

Nhận thức sai lầm của ông Nguyễn Gia Kiểng

Tạ Dzu

Vào tháng 8, 2025 vừa qua, trong lúc nhà nước Việt Nam rình rang chuẩn bị tổ chức diễu hành chào mừng “Quốc khánh 2-9”, thì ngày 21 tháng 8 trên trang Thông Luận, ông Nguyễn Gia Kiểng có bài viết tựa đề “[Cách Mạng Tháng 8-1945, khi đất nước mất trí](#)” (1) nhằm tìm hiểu nguyên nhân vì sao “Đảng Cộng Sản lại cướp được chính quyền một cách quá dễ dàng, gần như không gặp một cạnh tranh đáng kể nào?” Ông lược qua cuộc đấu tranh của các đảng phái không cộng sản chống Pháp và Việt Minh, sau cùng, nguyên nhân thất bại chính yếu được ông Kiểng kết luận: “Vào thời điểm Cách Mạng Tháng 8-1945 chúng ta [chính đảng và trí thức không cộng sản] hoàn toàn không có kiến thức và tư tưởng chính trị.”

Nếu nhìn “kiến thức và tư tưởng chính trị” trình bày theo học thuật Tây phương hiện đại cho tới 1945, có thể ông ta đúng. Nhưng nếu nhìn tư tưởng theo suốt dọc lịch sử của một dân tộc, ông Kiểng có cái nhìn khá phiến diện, không đầy đủ, thậm chí sai lầm.

Trong thời kỳ Bắc thuộc (thế kỷ I-X), Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo (Lão giáo) đều được truyền vào Giao Châu qua con đường Trung Hoa. Ba dòng tư tưởng cùng tồn tại tuy chưa được tổng hợp rõ rệt. Phật giáo đã sớm phổ biến trong dân chúng; Nho giáo được giới quan lại sử dụng; Đạo giáo thâm nhập vào tín ngưỡng dân gian.

Thời Lý-Trần (thế kỷ XI-XIV), Phật giáo gần như là quốc giáo, tuy nhiên Nho giáo vẫn được sử dụng trong việc thi cử và quản lý xã hội, Đạo giáo hòa nhập mạnh mẽ và trở thành một phần đời sống tinh thần dân chúng. Tam giáo ngày càng được dung hòa, dần xuất hiện quan điểm tam giáo đồng nguyên (ba đạo chung gốc), nhấn mạnh đến sự hòa hợp chứ không đối lập.

Sang đến thời Lê sơ (thế kỷ XV), Nho giáo dù trở thành hệ tư tưởng chính thống, Phật giáo và Đạo giáo vẫn tồn tại rộng rãi trong dân gian.

Chính nhờ sự tổng hợp và hòa hợp ba nguồn tư tưởng “nhân loại” của cha ông ta lúc đó, cộng với Bình Thư Yếu Lược, Bình Ngô Đại Cáo, triết lý Tiên-Rồng tuyệt vời (mà nay nhiều người coi thường) và kho tàng truyện cổ, ca dao tục ngữ (túi khôn dân tộc) dạy bảo cách ứng xử với ta, với người đã sáng tạo ra cơ chế chính trị “đan quyền”, là nguyên nhân chính yếu tạo nên giai đoạn 500 năm rực rỡ thời Lý-Trần và đầu Lê.

Đời người cũng như lịch sử dân tộc luôn có những giai đoạn thăng trầm thịnh suy. Sau thời hưng thịnh 500 năm nói trên, nước ta đi vào giai đoạn suy trầm 500 năm sau đó tới hiện nay.

Tâm, Vật, Sinh thống nhất

Đại Việt đã từng là nơi hội tụ tư tưởng của tam giáo xa xưa, làn gió văn minh Tây phương thổi đến bắt đầu từ thế kỷ XVI, vừa là thách thức, vừa là cơ hội để dân tộc thực hiện một cuộc tổng hợp tư tưởng đầy sáng tạo như cha ông thuở trước. Làn gió ấy đem đến học thuật, ý tưởng mới, đảo lộn đến tận gốc rễ đời sống dân ta, đồng thời cũng kéo dân tộc vào cuộc tương tranh khốc liệt tư bản – cộng sản đối kháng nhau giữa hai dòng tư tưởng chủ đạo Duy Tâm và Duy Vật.

Quả là điều oái oăm, tộc Việt trải hàng chục ngàn năm trong nền văn minh nông nghiệp, hiểu biết tường tận sự cần thiết của cả âm lẫn dương, tinh thần và vật chất, cá nhân và tập thể, bảo thủ và cấp tiến qua biểu tượng Tiên Rồng, đến thế kỷ 20 lại bị cuốn hút vào tương tranh tâm - vật, tư bản - cộng sản đến từ phương Tây, gây ra cảnh gà nhà bôi mặt anh em chém giết lẫn nhau.

Xã hội có người bảo thủ, có người cấp tiến, cần phải biết cách thống nhất, phân công đặt để sao cho mỗi người đóng đúng vai trò của mình, hợp tác với nhau cho việc chung được hoàn thành mỹ mãn. Trong đời sống nông nghiệp trải hàng ngàn năm, cha ông ta đã biết cách phân chia nhiệm vụ, đàn ông - đàn bà, vợ - chồng tuy có đối lập nhưng cần thiết phải thống nhất cho việc đồng áng: *chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa*.

Đời sống luôn có hai mặt, tượng trưng bằng âm - dương, và cả hai đều cần thiết. Nghệ thuật lãnh đạo và tổ chức là làm thế nào để mỗi người đóng đúng chức năng, hợp tác với nhau cho việc chung. Nói theo thuật ngữ phương Tây là “đối lập thống nhất”, không thể “đối lập triệt tiêu”, “đối lập hủy diệt” như tư bản và cộng sản, hay phân chia tranh quyền của các đảng với lý tưởng đối lập giữa bảo thủ và cấp tiến.

Vậy để dân tộc hưng thịnh cho 500 năm sắp tới, theo gót cha ông, chúng ta cần thực hiện công cuộc đại tổng hợp tư tưởng cổ kim của nhân loại – bao gồm tam giáo trước kia cùng học thuật, văn minh Thiên Chúa giáo phương Tây ngày nay, trong đó có cả Duy Tâm lẫn Duy Vật, tự do dân chủ kết hợp cùng văn hóa Việt làm nền tảng cho dân tộc vươn lên trong thời đại mới.

Tiếp nối di chỉ của nhà cách mạng dân tộc Phan Bội Châu nhằm “cứu quốc tồn chủng”, lựa chọn những điều hay đẹp của Duy Tâm và Duy Vật qua câu nói cụ Phan, “Dân chẳng duy tâm, dân chẳng duy vật, dân chỉ duy dân” (2) (không tả, không hữu, chỉ có gốc), Lý Đông A đã tiếp bước, tập đại thành cả ba dòng tư tưởng bao gồm đời sống (sinh – đại diện là Tôn Dật Tiên), tinh thần (tâm - Hegel) lẫn vật chất (vật - Marx). Tam đoạn luận của Duy Tâm chỉ giúp phát huy phần tĩnh của thực tại, Duy Vật nêu lên được mặt động, Duy Sinh chưa hoàn chỉnh (âm dương, bát quái, tám quẻ biến hóa ra vạn vật), ông phải đưa Dịch học vào bổ túc để Duy Sinh trở thành một chủ nghĩa đầy đủ khi so sánh với Duy Tâm và Duy Vật.

Một chủ nghĩa đúng nghĩa phải có nền tảng triết học, có học thuật và nền văn minh do chủ nghĩa đó tạo ra. Bằng không, chỉ có thể gọi là chủ trương, chưa phải chủ nghĩa.

Lý Đông A không chỉ làm công việc tổng hợp, những sáng tạo mới của ông như [chìa khóa triết học Thăng Nghĩa](#) (3) để mở cửa, nắm bắt nguồn cơn và biết cách tiến hóa hướng thượng trong lâu đài triết của nhân loại; chân lý của mỗi tầng vũ trụ, nhân loại và dân tộc không thể lẫn lộn; [bình sản kinh tế](#) (4) cho quốc kế dân sinh nhằm tránh cách biệt giàu nghèo quá đáng; dân chủ nhân chủ để người dân thực sự nắm quyền..., và còn nhiều điều khác đều cần thiết cho một Việt Nam hưng thịnh 500 năm sắp tới.

Nhiên, Nhân, Dân thống nhất

Duy Dân mới chỉ là phần chính-trị-quan trong [tư tưởng Lý Đông A](#) (5). Ngoài tầng dân tộc (duy dân), đời sống còn có nhân loại (duy nhân – nhân sinh quan) và vũ trụ tự nhiên (duy nhiên – vũ trụ quan), không thể bỏ qua một. Mỗi tầng nhiên, nhân, dân lại có quy luật và chân lý riêng phải nhận biết và tôn trọng. Ở tầng nhiên của vũ trụ quan, chân lý là khách quan, vô nguyên tương đối. Vũ trụ tồn tại dù có người hay không (khách quan). Chất lỏng có lúc ở thể hơi, lỏng hoặc đặc, mang tính tương đối.

Khoa học khảo sát vật chất và các hiện tượng liên quan. Cho tới nay, khoa học xác định vũ trụ xuất hiện qua Big Bang (Vụ Nổ Lớn). Người ta có thể hỏi, trước Big Bang, vũ trụ là gì? Theo nhà vật lý Stephen Hawking, “trước” Vụ Nổ Lớn, thời gian không hiện hữu. Lý do là theo Thuyết Tương đối rộng, thời gian và không gian đều bắt đầu từ Vụ Nổ Lớn. “Trước” thời điểm đó, các khái niệm “thời gian” hay “không gian” như chúng ta hiểu không còn ý nghĩa. Ông thường ví vũ trụ giống như bề mặt trái đất: trái đất có diện tích giới hạn, nhưng không có “biên” nào cả. Tương tự, vũ trụ có thời điểm khởi đầu nhưng không có “trước đó” để ta đi ngược lại, một hiện tượng tạm gọi là “bất khả luận”. Trong mô hình “không biên” (no-boundary proposal) mà Hawking và James Hartle đưa ra, thời gian gần Big Bang chuyển thành một dạng giống “tọa độ không gian” chứ không phải thời gian theo nghĩa thông thường. Nói cách khác, vũ trụ tự nhiên mang tính “vô nguyên”, *khách quan và tương đối*.

Karl Marx thấy được tính khách quan của tự nhiên và sự đối lập giữa con người với tự nhiên, nhưng ông không nhận ra chân lý *nhất nguyên chủ quan tuyệt đối* của tầng nhân (loại). Mưa là hiện tượng khách quan, nhưng người chủ động (chủ quan) dùng nước tưới cây, dẫn thủy nhập điền hay tạo đập nước làm lợi và phong phú cho đời sống con người. Luật khách quan của tự nhiên là mạnh được yếu thua, không thể áp dụng trực tiếp vào tầng nhân mà phải được điều chỉnh để tranh chấp trở thành hợp tác hỗ tương cùng tồn tại.

Tuy nhân loại là một, ai cũng bình đẳng như nhau nhưng do lịch sử, văn hóa, chủng tộc, đời sống khác nhau mà tầng dân (tộc) mang tính *đa nguyên tương đối*. Không thể lấy chân lý

nhất nguyên tuyệt đối của tầng nhân (loại) nhằm loại bỏ chân lý đa nguyên dân tộc để xây dựng thế giới đại đồng kiểu cộng sản được.

Muốn xây dựng một thế giới đại đồng hài hòa ổn định, cần phải tạo sự hòa hợp từ tiểu đại đồng (dân tộc), sang trung đại đồng (khu vực), tới đại đại đồng (cộng đồng nhân loại) – một liên kết đa tầng. Vì nhân loại chưa ý thức và giác ngộ được chân lý của mỗi tầng nói trên nên còn tranh chấp hơn thua, coi mình hoặc là giống da trắng thượng đẳng, hoặc được thượng đế tuyển chọn, hoặc là thiên tử, trung tâm văn minh của nhân loại, còn các giống dân khác là man di mọi rợ.

Trên đây chỉ là vài nét rất cơ bản của [Chủ nghĩa Duy Dân](#) (6).

Trong bài viết “Cách Mạng Tháng 8-1945, khi đất nước mất trí”, ông Kiểng lập luận: *“Hai nhân vật được coi là những lý thuyết gia xuất chúng nhất trong giai đoạn Thế Chiến II là Trương Tử Anh (Trương Kháng) và Lý Đông A (Nguyễn Hữu Thanh). Trương Tử Anh soạn ra chủ nghĩa Dân Tộc Sinh Tồn cho Đại Việt Quốc Dân Đảng, Lý Đông A viết ra chủ nghĩa Duy Dân cho Đại Việt Duy Dân. Cả hai chủ nghĩa này đều không có giá trị tư tưởng mà chỉ được viết ra trong niềm tin rằng phải có một chủ nghĩa mới thành lập được một đảng. Chủ nghĩa Dân Tộc Sinh Tồn, do Trương Tử Anh viết ra vào năm 1938 lúc đang là sinh viên trường luật Hà Nội ở tuổi 24, chủ yếu lấy lại một cách sơ sài một vài ý chính của chủ thuyết Không Gian Sinh Tồn (Lebensraum) được Hitler khai thác để phát triển đảng Quốc Xã Đức. Chủ nghĩa Duy Dân do Lý Đông A soạn ra ở tuổi 20, hoàn toàn không có giá trị lý luận hay kiến thức chính trị nào. Hai chủ nghĩa này được tôn vinh chủ yếu do nhân cách và sự dũng cảm của hai người chủ xướng...”*

Chúng tôi mới chỉ giới thiệu một vài nét chấm phá rất cơ bản của [tư tưởng Lý Đông A](#) (7) nói trên để phản bác quan điểm của ông Kiểng cho rằng “[Chủ nghĩa Duy Dân] không có giá trị tư tưởng” hay “hoàn toàn không có giá trị lý luận hay kiến thức chính trị” nào. Hoặc ông có tìm hiểu mà không thấu triệt nên buông lời kết luận sai trái?

Theo dõi những bài viết và một hai cuốn sách của ông Nguyễn Gia Kiểng, chúng tôi không phủ nhận ông có tấm lòng với đất nước, rất cố gắng, đáng phục, nhưng không thấy tư tưởng của ông hình hài thể nào, tiên đề triết học là gì, quan điểm của ông về vũ trụ quan, nhân sinh quan và chính trị quan ra sao? Liên hệ giữa người với người, giữa dân tộc và nhân loại thế nào là hợp lý? Chỉ nêu một vài câu hỏi với những gì ông viết, có thể thấy tư tưởng của ông Nguyễn Gia Kiểng là thế nào. Hay ông chủ trương thử và sai (trial and error), cứ làm, sai thì sửa? Tư tưởng nào hướng dẫn cho hành động?

Ông Kiểng thường nhấn mạnh đến văn hóa chính trị, sẵn dịp, chúng ta nên bàn qua vấn đề này.

Theo cách phân loại của Gabriel Almond và Sidney Verba, hai nhà chính trị học nổi tiếng, trong công trình *The Civic Culture* (1963) cho rằng văn hóa chính trị có thể chia thành ba loại hình cơ bản:

1. Văn hóa chính trị hạn chế (parochial political culture) với các đặc điểm người dân hầu như không quan tâm hoặc không hiểu biết về các vấn đề chính trị. Họ tập trung vào đời sống cộng đồng nhỏ (gia đình, làng xóm) nhiều hơn là nhà nước, thường gặp ở các xã hội truyền thống, bộ lạc, nơi quyền lực nhà nước chưa ăn sâu vào đời sống hàng ngày.
2. Văn hóa chính trị lệ thuộc (subject political culture) có các đặc điểm là người dân có nhận thức về chính trị và quyền lực nhà nước, nhưng ít hoặc không tham gia trực tiếp. Họ thường tuân thủ và chấp hành thay vì chủ động tác động đến chính trị, ta thường gặp trong các chế độ quân chủ tập quyền hoặc độc tài, nơi người dân biết đến nhà nước nhưng ít cơ hội hay thói quen tham gia.
3. Văn hóa chính trị tham gia (participant political culture) gồm các đặc điểm như người dân quan tâm sâu sắc đến chính trị; tích cực tham gia vào các hoạt động chính trị: bầu cử, ứng cử, thảo luận, biểu tình, tham gia tổ chức xã hội; và có ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, thường thấy ở các nước dân chủ phát triển, nơi sự tham gia của công dân đóng vai trò trung tâm trong hệ thống chính trị.

Chính trị là thiết kế và chấp hành dân sinh

Trước kia, người ta thường coi chính trị là “đấu tranh giai cấp” hay “giành giật quyền lực”. Ngày nay, chính trị còn là tìm kiếm sự đồng thuận, xây dựng thể chế dân chủ, minh bạch và quản trị hiệu quả để đạt lợi ích chung. Nói khác đi, “chính trị là thiết kế và chấp hành dân sinh” (Lý Đông A). Trong thế giới hiện đại, quyền lực không chỉ tập trung vào nhà nước hay đảng phái, mà phân tán vào nhiều tác nhân khác nhau (actors): tập đoàn kinh tế, truyền thông, mạng xã hội, các tổ chức quốc tế (Liên Hiệp Quốc, WTO)... Chính trị không chỉ gói gọn trong đấu tranh quyền lực mà còn gắn với *governance*, tức là cách xã hội được điều hành và quản trị. Chính trị được gắn với đời sống hằng ngày, không chỉ ở “trên cao” mà xuất hiện trong các vấn đề thiết thực của nhân dân: giáo dục, môi trường, bình đẳng giới, quyền của người lao động... rất phù hợp với những gì Lý Đông A đề xuất: Quyền dân, lực nước. Quyền dân càng cao, lực nhà nước càng mạnh chứ không phải ngược lại. Không chỉ viết, ông còn hoạch định kế hoạch thực hiện công việc này qua tiểu luận [Duy Dân Cơ Năng](#) (8) với Cơ Năng Hiến Pháp.

Trong thế kỷ 21, nhiều vấn đề chính trị mang tính toàn cầu: biến đổi khí hậu, di cư, công nghệ AI, an ninh mạng... vượt qua phạm vi quốc gia. Vì vậy, chính trị hiện đại mang tính liên kết đa tầng: địa phương – quốc gia (tiểu đại đồng) – khu vực (trung đại đồng) – quốc tế (đại đại đồng).

Chính trị hiện đại là không gian đa chiều, nơi nhiều chủ thể cùng tham gia vào quá trình quyết định, phân phối quyền lực và nguồn lực nhằm giải quyết các vấn đề chung của xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Chính trị thường gắn liền với “dân chủ”. Người có quyền là người ra quyết định. Khi chính sách được quyết định bởi đảng cầm quyền (dù độc hay đa đảng) mà không là nhân dân, thì đó là “đảng chủ”, đâu đã phải dân chủ đúng nghĩa? Dân chỉ được quyền bầu cho các ứng viên do các đảng đưa ra (đa đảng cử, dân bầu), còn chính sách ảnh hưởng đến đời sống người dân thì nhân dân không được quyết định. Vậy dân chủ vẫn chưa có tính thực tại.

Dân chủ đúng nghĩa phải là sự tham gia của “toàn dân, trực tiếp và thực tại” (Lý Đông A).

Khi người dân chỉ được lựa chọn ứng viên do các đảng đưa ra mà chưa được tự đề và ứng cử, dân chủ chưa mang tính toàn dân vì phải là đảng viên mới được đề cử. Trực tiếp không có nghĩa ai cũng ngồi vào quốc hội quyết định chính sách, mà nhân dân phải được quyền quyết định những gì liên quan đến đời sống hàng ngày của họ. Chẳng hạn, “hiệp hội nông dân” tụ họp bầu ra ban đại diện nhằm giải quyết những vấn đề liên quan: chọn giống, phân bón, làm ruộng lẻ hay hợp tác, thu hoạch, sản xuất, quảng bá sản phẩm, bảo vệ giá cả, bảo vệ môi trường, thị trường..., thì đây chính là trực tiếp làm chủ, quyết định đời sống của tầng lớp nông dân. Vai trò chính quyền là điều hành và phối hợp, tạo điều kiện để người dân tự làm chủ, quyết định cuộc sống mình.

Đó là áp dụng nguyên tắc “đối lập thống nhất” Tiên-Rồng trong văn hóa Việt - nhà nước và nhân dân đối lập thống nhất - không phải trên với dưới, chủ với nô, thống trị và bị trị. Đó cũng là một phần hình ảnh “đan quyền” trong sử thống Việt, “phân công” chứ không “phân quyền” để rồi vẫn tranh giành, chống đối nhau.

Phân công ở đây không phải phân công kiểu cộng sản. Cộng sản phân công vì lợi ích của đảng. Phân công và hợp tác trong văn hóa Việt là để việc chung được hoàn thành tốt đẹp, tất cả vì lợi ích chung của mỗi người và của cả tập thể.

Đây cũng là phương cách quản lý công việc và nghệ thuật tổ chức, điều mà ông Kiểng thường đề cao nhưng chưa biết ông sẽ tổ chức xã hội ra sao?

Học thuyết Bản Vị

Một cách đơn giản: Bản vị là tổng thể (unit, whole), cơ năng là thành phần (constituent parts). Khi là bản vị, phải theo nguyên tắc hiệp điều và thống nhất. Khi là cơ năng, cần phân công hợp lý và hợp tác với nhau. Bản vị cơ thể bao gồm nhiều cơ năng, “đầu, mình và tay chân”. Bản thân cơ năng đầu, mình, tay chân tự chúng cũng là những bản vị, gồm các cơ năng máu thịt, da xương... Bộ phận con người có loại thuộc hành thủy (thận), có loại thuộc hỏa (tim). Trên lý thuyết, thủy hỏa đối kháng, nhưng khi chúng đóng đúng vị trí và nhiệm vụ,

vận động hợp tác với nhau, cơ thể con người sẽ bình thường khỏe mạnh. Ngược lại, bất kỳ cơ năng nào yếu đi, đều ảnh hưởng đến toàn bộ sức khỏe con người.

Mỗi cơ năng đều cần thiết cho bản vị. Khi các cơ năng không hoạt động nhịp nhàng hoặc chống đối nhau, bản vị bị ảnh hưởng, thậm chí tan rã hay ngưng hoạt động.

Sự vận hành từ chiếc xe, cơ thể con người đến xã hội cũng thế. Các cơ năng công nhân, nông dân, luật sư, bác sĩ, người bảo thủ, cấp tiến... đều có vai trò cần thiết. Bản vị học thuyết là cách thức tổ chức, điều hành quản trị công việc từ nhỏ đến lớn, quốc gia đến quốc tế một cách khoa học, hiệu quả mà nhiều lý thuyết được đặt ra trước hoặc sau Lý Đông A, có những nét tương đồng với Thuyết Bản vị như hệ thống network, system theory, structural functionalism.

Thực ra, Học thuyết Bản vị được Lý Đông A nâng lên tầng cao hơn nữa. Ông sử dụng sự vận hành trong sinh mệnh hữu cơ của con người có sinh mệnh hệ thống, áp dụng cho đại vũ trụ. Vũ trụ là một bản vị sinh mệnh (có đời sống) với các cơ năng thành phần là nhân loại và dân tộc. Đây là lý do ba tầng nhiên, nhân, dân phải thống nhất. Con người vừa khai thác tự nhiên giúp cuộc sống thuận tiện và phong phú, nhưng cũng phải tài bồi, nuôi dưỡng tự nhiên là môi trường sinh sống cho muôn loài. Nhân là gốc của dân, nhưng không thể triệt tiêu dân để chỉ chú trọng đến nhân (đại đồng cộng sản) như Marx lầm tưởng. Chân lý mỗi tầng cần phải được tôn trọng.

Chính trị hiện đại là không gian đa chiều, nơi nhiều chủ thể cùng tham gia vào quá trình quyết định, không chỉ là nhà nước hay đảng cầm quyền, phân phối quyền lực và nguồn lực nhằm giải quyết các vấn đề chung của xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa mà Bản vị học thuyết chính là phương tiện để đạt được điều đó.

Cũng trong bài viết nói trên, ông Kiểng viết rằng “...Việt Nam Quốc Dân Đảng cũng bị Pháp đàn áp thẳng tay như Đảng Cộng Sản nhưng lại không còn lãnh đạo nên không thể lấy thái độ dứt khoát với Nhật để được chính quyền Trung Hoa Dân Quốc của Tưởng Giới Thạch – lúc đó đang đứng trong phe Đồng Minh – yểm trợ. Trong khi đó Đảng Cộng Sản, vì theo Liên Xô, đã đứng hẳn về phe Đồng Minh nên được Liên Xô và cả Mỹ ủng hộ để lập những chiến khu tại biên giới Việt Trung và xây dựng lực lượng. Các đảng phái khác, kể cả Đại Việt Duy Dân của Lý Đông A, đã mù quáng chọn con đường Đức Quốc Xã mà chỉ cần một chút sáng suốt họ cũng phải thấy là vừa sai trái vừa tuyệt vọng bởi vì từ năm 1941 – khi cả Mỹ và Nga đã vào cuộc – sự thất bại của khối Trục đã quá hiển nhiên.”

Có lẽ ông Kiểng chưa đọc đoạn dưới đây khi [Lý Đông A góp ý với Đại Việt Dân Chính của Nguyễn Tường Tam](#) (9), để hiểu sự lầm lẫn của ông ta khi cho rằng “kể cả Đại Việt Duy Dân đã mù quáng chọn con đường Đức Quốc Xã”:

“Bình Quân

“Được gặp các đồng chí lãnh đạo trong Đại Việt Dân Chính Đảng nên được hiểu thế nào là sinh hoạt bình quân chủ nghĩa. Tuy hiện nay các đồng chí ấy đã gia nhập vào bản đảng phụng hành Thắng Nghĩa, sự phê phán không phải là nói xấu, nó còn là những lời cảnh tỉnh, cho nên ngòi bút của tôi không làm khách được trước chân lý.

Sinh hoạt bình quân chủ nghĩa chỉ có hai yếu điểm: đối bên trong làm cho xã hội sống đều không có giai cấp, để đối bên ngoài tranh đòi lấy một đất sống với thế giới cho dân không bị thiếu thốn. Tiếng chuyên môn của chính trị địa lý là sinh tồn không gian (espace vital)...

Chủ nghĩa ấy và đảng ấy, từ học thuyết đến tổ chức và hình thức, đều quy định ra trước bởi các thầy Nazi và phát xít. Thủ đoạn cũng noi theo, không có chi thay đổi...

Chủ nghĩa Nazi và phát xít không thể thực hành được ở nước ta cũng như thuần dân chủ, thuần Cộng sản, hay Tam Dân... Kế hoạch đồng nhân của chúng ta chính là một sách lược liên hợp giải phóng của tất cả các dân tộc nhỏ yếu trong Đại Nam Hải cùng một huyết thống Viêm và một văn hóa Môn từ muôn năm về trước, nó là một chính sách cách mạng, không phải là một cương lĩnh xâm lược. Chủ nghĩa Duy Dân của chúng ta là phục hưng và phục hoạt nòi giống với văn minh Tiên Rồng, không phải là chủ nghĩa chủng tộc xâm lược như nòi Hán, cũng không phải là chủ nghĩa chủng tộc siêu việt như Nhật Nhĩ Man.

Đời sống của quốc dân và dân tộc là toàn thể..., nó như dòng nước chảy không dứt, luôn luôn bồi chút cái nguồn sống theo nền tảng và điều kiện các thời đại và khơi mở con đường đi... Trong cái dòng sống không dứt ấy, người Việt trong đời sống quốc dân, lịch sử và thế giới ngày nay chỉ có thể nói được: Ta sống cả một muôn năm ở trong ta, lấy sức ngầm đó đứng lên chuẩn bị cho thời đại 2000...”

Một điểm nữa rất ít người biết, đó là lúc còn ở Liễu Châu (Trung Hoa), đại diện các chính đảng quốc gia không cộng sản đã đồng ý ngồi lại với khẩu hiệu: Một chủ nghĩa! (lấy Duy Dân chủ nghĩa của cụ Phan Bội Châu được “đổi mới” do Lý Đông A biên soạn), Một chỉ huy! Và đối ngoại thì muôn mặt.

Theo lời kể của Nhà báo Như Phong Lê Văn Tiến với Giáo sư Đoàn Viết Hoạt thì sự kiện đó như sau: “Đầu năm 1943, Nguyễn Tường Long (tức Hoàng Đạo) nhận được lệnh của Nguyễn Tường Tam từ Hoa Nam nhắn về là phải xuống Hải Phòng để đón Lý Đông A từ Hoa Nam về, mang theo một tài liệu quan trọng của hải ngoại gửi trong nước. Hoàng Đạo bảo Như Phong, lúc đó là bí thư của Hoàng Đạo, đi cùng. Khi gặp nhau, Lý Đông A lấy trong cặp táp ra một tài liệu do chính Nguyễn Tường Tam viết trao cho Hoàng Đạo. Đó là bản *Ký Trình* (10) (Báo Cáo – Cống Hiến Ý Kiến – Yêu Cầu) có bốn chữ ký của Nguyễn Tường Tam, Nghiêm Kế Tổ, Lý Đông A (S.H.), Vũ Hồng Khanh (VH). Lý Đông A nói Nguyễn Tường Tam bảo Hoàng Đạo phải kiếm Trương Tử Anh để ký tên vào bản Ký Trình. Lúc đó Trương Tử Anh đang

phải ẩn mình tránh Việt Minh và Pháp đang tìm bắt nên cử người đại diện ký thay. Chữ ký thứ 5 dài trông rất mờ ở dưới cùng, là chữ ký này.

Hoàng Đạo giao cho Như Phong cất giữ bản Ký Trình. Khi di cư vào Nam năm 1954, Như Phong cất Ký Trình trong hộp sắt nhỏ, dấu sau cục gạch trên tường trong phòng riêng, sau một bức tranh. Gần ngày 30 tháng 4 năm 1975, Nguyễn Tường Thiết, con út của Nguyễn Tường Tam, trước khi di tản, đến gặp Như Phong và hỏi xem có gì cần đem đi không. Như Phong đưa cho Nguyễn Tường Thiết bản Ký Trình đem đi. Nhờ vậy mà hiện nay, Ký Trình bản gốc với thủ bút của Nguyễn Tường Tam vẫn còn và Nguyễn Tường Thiết đã lưu giữ trên bàn thờ thân phụ mình tại nhà riêng ở Seattle, tiểu bang Washington, Hoa Kỳ.”

Với những sự kiện trên đây, chứng tỏ ông Nguyễn Gia Kiểng đã sai lầm nghiêm trọng khi phê phán các chính đảng không cộng sản, đặc biệt là Lý Đông A và Đại Việt Duy Dân với Chủ nghĩa Duy Dân là “không có giá trị tư tưởng” hoặc “hoàn toàn không có giá trị lý luận hay kiến thức chính trị”.

Ông Nguyễn Gia Kiểng cần phải rút lại những nhận định sai lầm mang tính chất hồ đồ trong bài viết “Cách Mạng Tháng 8-1945, khi đất nước mất trí”, nếu ông còn cho mình là một trí thức chân chính.

Tạ Dzu

25/09/2025

Ghi chú:

1. Cách Mạng Tháng 8-1945, khi đất nước mất trí
<https://thongluan-rdp.online/quan-diem/cach-mang-thang-8-1945-khi-dat-nuoc-mat-tri-nguyen-gia-kieng/>
2. Nền triết học chính thống
<https://thangnghia.org/wp-content/uploads/2019/01/nentriethocchinhthong-version-layouted-dec2016-hvl-1.pdf>
3. Chìa khóa Thắng Nghĩa
<https://thangnghia.org/wp-content/uploads/2021/01/chiakhoathangnghia.pdf>
4. Bình sản kinh tế
<https://thangnghia.org/wp-content/uploads/2020/01/binhsankinhhte-version-layouted-nov2017.pdf>
5. Giới thiệu Chủ nghĩa Duy Dân của Lý Đông A
<https://tapchitriet.com/?p=697>

6. Thắng Nghĩa Lý Đông A
<https://thangnghia.org>
7. Giới thiệu sơ lược về tư tưởng Lý Đông A
<https://thangnghia.org/wp-content/uploads/2025/09/gioi-thieu-tu-tuong-ly-dong-a.pdf>
8. Duy Dân Cơ Năng
<https://thangnghia.org/wp-content/uploads/2019/01/bo5duydanconang-versionlayoutedjan2018.pdf>
9. Tiểu luận Thắng nghĩa
<https://thangnghia.org/wp-content/uploads/2020/05/tieu-luan-thang-nghia.pdf>
10. Ký Trình
<https://thangnghia.org/ly-dong-a/ky-trinh-word/>